

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân và gia đình gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Bích Đào

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thắm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Ông
Tống Khánh Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 76/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, theo Quyết định mở phiên họp số 59/2021/QĐ-ST ngày 20/8/2021 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu thứ nhất: Chị Trần Thị H, sinh năm 1981

HKTT: Tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

- Người yêu cầu thứ hai: Anh Nguyễn Quang H1, sinh năm 1975

HKTT: Tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh, hiện đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc, vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Trần Thị H, anh Nguyễn Quang H1 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc có nội dung như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Quang H1 đăng ký kết hôn ngày 14/5/2000 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, thỉnh thoảng có mâu thuẫn nhưng không nghiêm trọng, vợ chồng tự hoà giải được. Giữa năm 2017 vợ chồng mâu thuẫn, anh H1 đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, đến năm 2019 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng không liên lạc với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình, cách sống không hợp nhau, vợ chồng sống xa nhau nên không còn tình cảm.

Chị Trần Thị H, anh Nguyễn Quang H1 đề nghị Toà án giải quyết cho anh, chị được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung tên là Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 18/9/1999 và Nguyễn Quang L, sinh ngày 14/01/2008. Con Nguyễn Ngọc L đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết. Vợ chồng thoả thuận giao cháu Nguyễn Quang L cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh H1 không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng đã tự thoả thuận và đề nghị Toà án ghi nhận sự thoả thuận của vợ chồng như sau: Giao quyền sử dụng đất thửa số 267 +311, tờ bản đồ số 6, bản đồ 371, diện tích 140m² đã được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ số BP 413081, ngày 22/8/2013 mang tên anh Nguyễn Quang H1, chị Trần Thị H và một ngôi nhà cấp 4 gắn liền với đất cho anh Nguyễn Quang H1 sở hữu, sử dụng. Anh Nguyễn Quang H1 đưa lại cho chị Trần Thị H 800.000.000đ tiền chênh lệch tài sản. Chị H đã nhận đủ số tiền 800.000.000đ.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về lệ phí: Chị H tự nguyện chịu lệ phí yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên họp và các đương sự đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án và đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại Công văn số 16338/QLXNC-P5 ngày 22/7/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an, cung cấp thông tin anh Nguyễn Quang H1 đã xuất nhập cảnh 03 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 19/01/2018 hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Như vậy, tại thời điểm thụ lý vụ việc, anh Nguyễn Quang H1 đang ở nước ngoài, theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.2] Theo anh H1 trình bày anh đang lao động tự do tại Hàn Quốc, anh không thể về Việt Nam để giải quyết vụ việc nên đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt. Anh H1 uỷ quyền cho bố đẻ là ông Nguyễn Quang Đề, sinh năm 1949, trú tại thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh giao nhận tài liệu với Toà án. Căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt anh H1 theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H, anh Nguyễn Quang H1 đăng ký kết hôn ngày 14/5/2000 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Việc kết hôn giữa chị H và anh H1 thực hiện đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị H anh H1 sống hạnh phúc, đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn anh H1 đi xuất khẩu lao động đến năm 2019 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, không liên lạc với nhau, chị H, anh H1 xác nhận vợ chồng không còn tình cảm. Điều 19 Luật hôn nhân năm 2014 quy định “ *Vợ chồng có nghĩa vụ tH yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Tuy nhiên, giữa chị H, anh H1 không chung sống với nhau, không quan tâm, chăm sóc cho nhau, vợ chồng không còn tình cảm.

Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; nếu không thỏa thuận được hoặc có thỏa thuận nhưng không bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án giải quyết việc ly hôn*”.

Xét thấy tình cảm giữa chị H, anh H1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị Trần Thị H, anh Nguyễn Quang H1 theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung tên là Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 18/9/1999 và Nguyễn Quang L, sinh ngày 14/01/2008. Con Nguyễn Ngọc L đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng thỏa thuận giao cháu Nguyễn Quang L cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh H1 không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Con Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 18/9/1999 đã trưởng thành anh H1, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Con Nguyễn Quang L có đơn trình bày nguyện vọng được ở với chị H, từ khi anh H1 đi xuất khẩu lao động đến nay chị H chăm sóc nuôi dưỡng con phát triển tốt về mọi mặt. Xét thấy sự thỏa thuận của chị H, anh H1 đảm bảo quyền lợi cho con theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận. Chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng tiền nuôi con nên miễn xét.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị H, anh Nguyễn Quang H1 đã tự thỏa thuận và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của vợ chồng như sau: Giao quyền sử dụng đất thửa số 267 +311, tờ bản đồ số 6, bản đồ 371, diện tích 140m² tại thôn X, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh (nay là tổ dân phố Phú Nghĩa, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh) đã được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ số BP 413081, ngày 22/8/2013 mang tên anh Nguyễn Quang H1, chị Trần Thị H và một ngôi nhà cấp 4 gắn liền với đất cho anh Nguyễn Quang H1 sở hữu, sử dụng. Anh Nguyễn Quang H1 đưa lại cho chị Trần Thị H 800.000.000đ tiền chênh lệch tài sản. Chị H đã nhận đủ số tiền 800.000.000đ.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về lệ phí: Chị H tự nguyện chịu lệ phí yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H, anh Nguyễn Quang H1 như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tại phiên họp là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83, 107, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 361, 367, 369, 370, Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm b khoản 6 Điều 27, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H, sinh năm 1981, HKTT tổ dân phố Phú Nghĩa, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh và anh Nguyễn Quang H1, sinh năm 1975, HKTT tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Trần Thị H và anh Nguyễn Quang H1 giao cháu Nguyễn Quang L, sinh ngày 14/01/2008 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Quang H1 không phải đóng góp tiền cấp dưỡng tiền nuôi con, anh H1 có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận của chị Trần Thị H, anh Nguyễn Quang H1 như sau: Giao quyền sử dụng đất thửa số 267 +311, tờ bản đồ số 6, bản đồ 371, diện tích 140m² tại thôn X, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh (nay là tổ dân phố Phú Nghĩa, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh) đã được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ số BP 413081, ngày 22/8/2013 mang tên anh Nguyễn Quang H1, chị Trần Thị H và một ngôi nhà cấp 4 gắn liền với đất cho anh Nguyễn Quang H1 sở hữu, sử dụng. Anh Nguyễn Quang H1 đưa lại cho chị Trần Thị H 800.000.000đ tiền chênh lệch tài sản. Chị H đã nhận đủ số tiền 800.000.000đ.

3. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị H nộp 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm được trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000205 ngày 13/7/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Đương sự ;
- UBND nơi thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu HS, TDS.

THẨM PHÁN - CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Bích Đào